

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/9/2023

V/v tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Hoàng Kiệt**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đen**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D A**, sinh năm 2005 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Quang M**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2023 và lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị D A trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quang M do người quen làm mai mối và quen biết nhau, hai bên tìm hiểu được một thời gian ngắn thì gia đình hai bên tiến hành tổ chức lễ cưới cho chị và anh M theo phong tục tập quán ở địa phương vào ngày 16/12/2020 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh M chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh M thường xuyên ăn chơi, không chăm lo làm ăn, quan tâm gia đình mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh M không sửa đổi, từ đó chị và anh M đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh M có 01 người con tên Nguyễn Ngọc A N, sinh ngày 12/9/2021, giới tính nữ. Hiện đang cháu N đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Trần Quang M biết về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D A đối với anh M nhưng anh Trần Quang M vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D A.

Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M và yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Chị A xác định là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Trần Quang M vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Anh Trần Quang M được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D A và anh Trần Quang M cưới nhau vào năm 2020, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng từ đó đến nay chị A và anh M không có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Vì vậy quan hệ vợ chồng của chị A và anh M không được pháp luật công nhận.

Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D A, HĐXX thấy rằng chị A và anh M chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D A và anh Trần Quang M.

Về con chung: Chị A xác định trong thời gian chung sống chị và anh M có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc A N, sinh ngày 12/9/2021, giới tính nữ. Hiện đang cháu N đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc A N đang sinh sống cùng với chị A, hiện tại cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, do đó HĐXX nghĩ nên cần giao con chung tên Nguyễn Ngọc A N, sinh ngày 12/9/2021 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị A không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị A trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của chị A mà không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D A phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0005857 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82,83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D A và anh Trần Quang M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc A N, sinh ngày 12/9/2021 cho chị Nguyễn Thị D A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Quang M có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của chị A mà không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D A phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0005857 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Chị Nguyễn Thị D A đã nộp đủ tiền án phí vụ án.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho Chị Nguyễn Thị D A có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2023). Đối với Anh Trần Quang M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đang sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh

